

Bản án số: 65/2022/HS-PT

Ngày 28- 02 - 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Tuấn A.

2. Bà Nguyễn Thị Bích V

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Q - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2021/HSPT ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê T1 T do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Các Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:**

**1. Nguyễn Đình H**, sinh năm: 1971, tại Thanh Hoá; nơi thường trú: xã Lát (nay là thị trấn Lạc Dương), huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Căn hộ C7.01 chung cư Bộ Công an số 83 đường 3, khu phố 2, phường BA, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Ổ và bà Lê Thị M; có vợ (đã ly hôn) và 02 con, sinh năm 1999 và sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/11/2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (Bản án số 169/2011/HSST); tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 21/8/2020 được thay T1 biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - “có mặt”.

**2. Lê T1 T**, sinh năm: 1975, tại Thanh Hoá; nơi thường trú: xóm Tân, xã Đông Lĩnh, Thành phố TH, tỉnh TH; chỗ ở hiện nay: số 09 đường 62 khu phố 6, phường A, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 09/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông:

Lê T1 T và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/11/1999 bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 128/1999/HSST); tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 21/8/2020 được thay T1 biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - “có mặt”.

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình H: ông **Nguyễn Tấn Thanh**, Luật sư của Văn phòng Luật sư Tấn Thanh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - “có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 03/8/2020, Nguyễn Đình H là quản lý quán cà phê không tên tại nhà không số (cạnh nhà số 204C), đường Nguyễn Văn Hưởng, Khu phố 6, phường A, thành phố TĐ, đã gọi điện thoại rủ Lê T1 T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Đăng T1 đánh bài phỏm thắng thua bằng tiền, khi cả 04 bị cáo đang đánh bài thì bị Công an Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang cùng tang vật. Thu giữ trên cH bạc tổng cộng số tiền **11.750.000 đồng**, trong đó của Lê T1 T **3.150.000 đồng**; Nguyễn Văn D **1.500.000 đồng**; Nguyễn Đăng T1 **3.400.000 đồng**; Nguyễn Đình H **3.700.000 đồng**.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định:

T bố các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê T1 T, Nguyễn Đăng T1, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 21/8/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê T1 T: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 21/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn T xử đối với bị cáo Nguyễn Đăng T1, Nguyễn Văn D, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 01/4/2021 và 05/4/2021 các bị cáo Lê T1 T, Nguyễn Đình H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Và ngày 06/4/2021 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 129/KNPT-VKS theo hướng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng không áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình H, Lê T1 T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TP là có căn cứ, do các bản án đã xét xử đối với bị cáo đã hết hiệu lực thi hành, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, không áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” đối với các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo H, do bị cáo là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo, đồng thời, mặc dù không áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bị cáo nhưng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo H là thỏa đáng, tương xứng với tính chất và vai trò phạm tội nên đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H. Đối với kháng cáo của bị cáo T, do bị cáo có vai trò, mức độ phạm tội hạn chế, không áp dụng tình tiết tăng nặng, hiện đang điều trị bệnh HIV nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Người bào chữa cho bị cáo H tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò, nhân thân và hoàn cảnh khó khăn của bị cáo H để cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có trình bày tình tiết giảm nhẹ mới có cha là thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 01/4/2021 và 05/4/2021 các bị cáo Lê T1 T, Nguyễn Đình H kháng cáo xin được hưởng án treo. Và ngày 06/4/2021 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 129/KNPT-VKS đối với bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 03/8/2020, tại quán cà phê không tên ở nhà không số (cạnh nhà số 204C), đường Nguyễn Văn Hưởng, Khu phố 6, phường A, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đình H (là quản lý của quán cà phê nêu

trên) đã gọi điện thoại rủ Lê T1 T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Đăng T1 đến đánh bài phỏm thắng thua bằng tiền, khi cả nhóm đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị Công an Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang cùng tang vật. Thu giữ trên cH bạc tổng cộng số tiền 11.750.000 đồng, trong đó của Lê T1 T 3.150.000 đồng; Nguyễn Văn D 1.500.000 đồng; Nguyễn Đăng T1 3.400.000 đồng; Nguyễn Đình H 3.700.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê T1 T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

*Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đình H: vào ngày 10/11/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (Bản án số 169/2011/HSST). Kết quả xác minh về việc chấp hành phần án phí dân sự của bản án này thể hiện đến ngày 26/8/2020, Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng chưa có hồ sơ thụ lý đối với Bản án số 169/2011/HSST nên chưa ra Quyết định thi hành án (Bút lục 218). Sau đó đến ngày 26/02/2021 do bị cáo có yêu cầu và đến thi hành phần án phí thì Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng mới ra giấy xác nhận kết quả thi hành án của bị cáo H thể hiện bị cáo đã thi hành xong phần án phí (Bút lục 465).

+ Đối với bị cáo Lê T1 T: vào ngày 16/11/1999, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 128/1999/HSST). Kết quả xác minh ngày 19/11/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố TĐ về việc chấp hành phần án phí dân sự của bản án này thể hiện: “*trước ngày 14/12/2020, ông Lê T1 T có điện Chi Cục thi hành án Dân sự Quận 2 (nay là Thành phố TĐ) xin làm giấy xác nhận kết quả thi hành án đối với bản án số Bản án số 128/1999/HSST ngày 16/11/1999. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ thụ lý và lưu trữ thi hành án thì Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TĐ không tìm thấy thông tin thi hành án của ông Lê T1 T...*”. Sau đó đến ngày 14/12/2020 bị cáo chủ động đến nộp bản án và xin nộp án phí thì Chi Cục thi hành án Dân sự Quận 2 (nay là Thành phố TĐ) mới ra quyết định thi hành án số 415/QĐ-CCTHA ngày 14/12/2020.

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì Bản án số 169/2011/HSST của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt xử phạt bị cáo H 30 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và Bản án số 128/1999/HSST của Tòa án nhân dân Quận 2 xử phạt bị cáo Lê T1 T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” thể hiện các bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí là do cơ quan thi hành án dân sự chưa thụ lý bản án của Tòa án cùng cấp và chưa ra quyết định thi hành án. Việc chưa nộp tiền đúng thời hạn là do cơ quan thi hành án chưa nhận được bản án và chưa thụ lý bản án để thi hành, không

phải đã thụ lý mà các bị cáo chưa thi hành.

Căn cứ vào Điều 60, Điều 70 Bộ luật Hình sự, Điều 28 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự thì phần án phí đối với 02 bản án nêu trên đã hết thời hiệu thi hành (thời hiệu 05 năm). Và do đã hết thời hiệu thi hành về phần án phí nên trường hợp cụ thể của vụ án này không thuộc hướng dẫn tại mục 7 phần I Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03-4-2019 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó, các bản án đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê T1 T đã đương nhiên được xóa án tích theo khoản 1 Điều 70 Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chưa xóa án tích và áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, gây bất lợi cho các bị cáo nên có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

*Về nội dung kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo:*

Đối với bị cáo H do bị cáo là người rủ rê, tổ chức việc đánh bạc tại địa điểm do bị cáo quản lý nên cần xem xét áp dụng và buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù để răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, như đã phân tích do cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo là chưa chính xác nên việc xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa, bị cáo có trình bày tài liệu thể hiện cha bị cáo là thương binh. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo T: mặc dù vào ngày 16/11/1999 bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” nhưng như đã phân tích, bản án này đã đương nhiên được xóa án tích theo khoản 1 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối cH quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐPT ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nhận thấy bị cáo có vai phạm tội hạn chế, tính chất ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, hiện đang điều trị bệnh HIV, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, không thuộc trường không cho hưởng án treo theo quy định nên khi lượng hình cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê T1 T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình H 01 (Một) năm tù** về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 21/8/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

2/ Xử phạt: Bị cáo **Lê T1 T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày T án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê T1 T cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú sẽ được thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về các vấn đề không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

(Đã giải thích chế định án treo).

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV 06 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- TAND TP. TĐ; (2)
- Công an TP. TĐ ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị H.**